|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 188/KH-UBND |  *Thanh Hóa, ngày 29 tháng 7 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành chế biến**

 **thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Thực hiện Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 16/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án), Quyết định số 1527/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với các nội dung sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 ban hành tại Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 16/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1527/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030.

- Phát triển ngành công nghiệp chế biến, bảo quản thủy sản của tỉnh theo hướng quy mô hàng hóa lớn, hiện đại, hiệu quả và bền vững, đáp ứng được nhu cầu của thị trường và gắn với Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Chiến lược phát triển thủy sản; từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế và tiếp tục hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị thuỷ sản toàn quốc và xuất khẩu.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư các cơ sở chế biến và xuất khẩu đạt tiêu chuẩn, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; nâng cao chất lượng, đa dạng sản phẩm chế biến đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Từng bước hình thành chuỗi giá trị, liên kết sản xuất từ nuôi trồng, khai thác đến chế biến sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm; quan tâm chế biến đáp ứng thị trường trong nước.

- Ứng dụng phát triển công nghệ chế biến xuất khẩu theo chiều sâu, đổi mới dây chuyền, thiết bị, công nghệ chế biến tiên tiến, hiện đại, cải tiến mẫu mã, bao bì… đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

**2. Yêu cầu**

- Tiếp tục vận động, tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến thủy sản tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm tạo niềm tin cho người tiêu dùng và giữ vững uy tín về chất lượng sản phẩm thủy sản của địa phương.

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong và ngoài ngành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm. Phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan để cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể để phát triển ngành chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Thu hút các nguồn lực của xã hội để phát triển lĩnh vực thủy sản đặc biệt là thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển lĩnh vực chế biến thủy sản.

**II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

**1. Nhiệm vụ**

*1.1. Kiểm soát và phát triển nguồn nguyên liệu chế biến thủy sản:*

- Từ khai thác thủy sản:

Tổ chức lại sản xuất trong khai thác thủy sản, phát triển khai thác xa
bờ theo hạn ngạch, hiện đại gắn với dịch vụ hậu cần trên biển, nâng sản lượng hải sản vùng khơi chiếm tỷ trọng chủ yếu. Đẩy mạnh ứng dụng khoa
học công nghệ trong khai thác, nhất là công nghê ̣bảo quản thủy sản sau thu hoạch hướng tới giảm tỷ lệ tổn thất sau khai thác.

Tăng cường đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng cảng cá
trên địa bàn tỉnh, nâng cao chất lượng dịch vụ, tiếp nhận, bảo quản, đảm bảo an toàn thực phẩm, thương mại sản phẩm khai thác để thu hút mạnh tàu cá từ các tỉnh tập kết, tiêu thụ hải sản đồng thời hình thành các trung tâm cung ứng nguyên liệu hải sản thông qua các cảng cá tại Lạch Hới, Lạch Bạng, Hòa Lộc.

Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị với doanh nghiêp chế biến thủy
sản làm nòng cốt, các thành phần trong chuỗi liên kết gồm tổ, đội, ngư dân
trực tiếp khai thác, cơ sở thu mua tại cảng cá đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các
thành phần trong chuỗi, tạo thuận lợi trong truy xuất nguồn gốc hải sản khai
thác hợp pháp theo quy định; phấn đấu đến năm 2030, có từ 60 - 70% nguyên liệu phục vụ chế biến thủy sản trong tỉnh thông qua hình thức liên kết chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp chế biến với người trực tiếp khai thác và cơ sở thu mua.

Đầu tư, phát triển hệ thống kho lạnh đạt chuẩn phục vụ bảo quản
nguyên liệu thủy sản gắn với hạ tầng cảng cá tại các địa bàn trọng điểm nghề cá (TX. Nghi Sơn, TP. Sầm Sơn, huyện Hoằng Hóa, huyện Quảng Xương, huyện Hậu Lộc).

- Từ nuôi trồng thủy sản:

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, giảm thiểu chất thải và đảm bảo an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản, phát triển các loài nuôi chủ lực, nâng cao năng suất, chất lượng nhất là tôm (sú, thẻ chân trắng), ngao và các loài nuôi theo nhu cầu chế biến.

Thúc đẩy xây dựng các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp chế biến với tổ
chức, cá nhân nuôi biển công nghiệp để tạo nguồn nguyên liệu theo nhu cầu
chế biến, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

- Từ nhập khẩu:

Khuyến khích, tạo điều kiện thuân lợi để các doanh nghiệp chế biến
thủy sản trong tỉnh, nhất là các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu có quy mô lớn nhập khẩu nguyên liệu chế biến sản phẩm phù hợp với nhu cầu tiêu dùng
trong nước và xuất khẩu; đảm bảo tuân thủ các quy định trong nước và quốc
tế, tránh gian lận xuất xứ, gian lận thương mại.

*1.2. Triển khai thực hiện tốt các cơ chế chính sách để thu hút đầu tư, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả chế biến thủy sản:*

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, chế biến thủy sản của Trung ương và của tỉnh, tạo thuận lợi, đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến hỗ trợ phát triển ngành chế biến thủy sản.

- Thúc đẩy các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ thủy sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ ở cả trong nước và nước ngoài. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào chế biến chuyên sâu tạo ra giá trị gia tăng cao, giảm tổn thất sau thu hoạch; đồng thời có chính sách thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực chế biến thủy sản.

- Xây dựng, hình thành các tập đoàn, công ty chế biến thủy sản quy mô lớn; quy hoạch, hình thành, xây dựng và phát triển các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản.

*1.3. Đẩy mạnh chế biến sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng cao:*

- Đa dạng hóa các sản phẩm chế biến, tập trung chế biến các sản phẩm giá trị gia tăng cao như Surimi, ngao luộc đông lạnh, tôm khô, mực khô, cá biển ướp lạnh và các sản phẩm thủy sản chế biến gia nhiệt phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

- Phát triển các sản phẩm chế biến đặc sản địa phương, gồm các sản
phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP gắn với tạo lập, duy trì, giữ vững thương hiệu sản phẩm của từng địa phương.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu thủy sản, khuyến khích
nghiên cứu, đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm có giá trị kinh tế từ phụ phẩm
thủy sản như: nguyên liệu làm thức ăn bổ sung trong chăn nuôi, phân bón,...

*1.4. Phát triển thị trường tiêu thụ thủy sản:*

- Thị trường tiêu thụ nội địa:

Xây dựng mô hình phát triển sản phẩm thủy sản truyền thống, đặc
sản, sản phẩm có thương hiệu, uy tín, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm,
tiện dụng, giá cả cạnh tranh.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại trong nước đối với các sản
phẩm thủy sản chủ lực, sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng, sản phẩm
làm sẵn, ăn liền đến các nhà phân phối, hệ thống siêu thị (Co.opmart, Winmart, AEON, Gogo,...) và người tiêu dùng.

Đa dạng hóa các kênh phân phối, tiêu thụ; quan tâm đẩy mạnh tiêu
thụ trực tiếp đến người tiêu dùng bằng hình thức online, tiêu thụ thông qua
các sàn giao dịch thương mại điện tử.

Tổ chức hệ thống phân phối thủy sản tại các đô thị, khu công nghiệp
tập trung; xúc tiến xây dựng liên kết vùng, miền nhất là các địa phương vùng
cao, vùng xa có nhu cầu lớn về thực phẩm hải sản (hải sản chế biến, nước
mắm,…).

Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm thủy sản
của tỉnh, đặc sản địa phương.

- Thị trường xuất khẩu:

Ưu tiên xây dựng, quảng bá thương hiệu các nhóm sản phẩm hải sản
tôm, sản phẩm hải sản khai thác xa bờ, ngao và các sản phẩm nuôi biển là các sản phẩm chủ lực của tỉnh; giữ vững, phát triển các thị trường trọng điểm, truyền thống như khối các nước EU, các nước Đông Bắc Á, Mỹ, Trung Quốc, ASEAN,... tập trung nguồn lực xúc tiến thương mại, mở rộng vào các thị trường tiềm năng khác.

Cập nhật, phổ biến kịp thời chính sách thương mại của các quốc gia và của từng thị trường về thị phần, thị hiếu, giá cả, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, rào cản kỹ thuật, thuế quan,... để các doanh nghiệp nắm bắt, có định hướng sản xuất, định hướng thị trường xuất khẩu.

Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông, chủ
động quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm thủy sản đến các
kênh phân phối, kênh ngoại giao.

*1.5. Xây dựng các mô hình chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ thủy sản nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh của sản phẩm thủy sản chế biến:*

- Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm (liên kết dọc) từ khai thác, nuôi trồng, thu mua nguyên liệu, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm, về quản lý nguồn gốc hợp pháp của nguyên liệu khai thác, nuôi trồng, nhập khẩu; truy xuất nguồn gốc sản phẩm, các tiêu chuẩn hướng tới sản xuất bền vững nhằm gia tăng tính cạnh tranh ở thị trường nước ngoài cũng như đáp ứng các cam kết trong hiệp định thương mại; tổ chức có hiệu quả liên kết tạo sự ổn định, bền vững của chuỗi sản xuất.

- Tổ chức liên kết ngang giữa các nhóm sản xuất nguyên liệu thủy sản
cùng đặc điểm ngành nghề, đối tượng (khai thác, nuôi trồng) nhằm tạo nguồn
nguyên liệu vừa và lớn về số lượng, đảm bảo về chất lượng cho chế biến thủy sản.

*1.6. Tổ chức quy hoạch sử dụng đất giành cho các khu chế biến thủy sản tập trung và các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản; đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, hiên đại hóa công nghê,̣ nâng cao năng suất, chất lượng, nâng cao hiệu quả chế biến thủy sản:*

- Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu, cụm chế biến thủy sản tập trung ̣gắn với vùng nguyên liệu trọng điểm, sắp xếp lại các cơ sở chế biến nhất là chế biến xuất khẩu, chế biến nước mắm đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

- Hỗ trợ các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật, đổi mới dây chuyền công nghệ nhằm nâng cao năng
suất, chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa mặt hàng, tăng tỷ trọng sản phẩm chế
biến giá tri ̣gia tăng, sản phẩm làm sẵn, ăn liền … đáp ứng được các yêu cầu tiêu thụ ở hệ thống các siêu thị.

- Tổ chức điều tra, đánh giá quy mô, năng lực của một số Công ty chế
biến thủy sản lớn, có tiềm lực kinh tế để hỗ trợ phát triển quy mô và năng lực
công nghệ gắn với chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh và quản lý, hình
thành các doanh nghiệp mũi nhọn về chế biến thủy sản có trình độ công nghê ̣
sản xuất và kinh doanh ngang tầm khu vực và thế giới.

**2. Giải pháp**

*2.1. Phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ:*

- Thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030
(theo Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính
phủ); hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến, thành tựu của cuộc
cách mạng công nghệ lần thứ tư vào sản xuất.

- Nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ tiên tiến và áp dụng
tiến bộ kỹ thuật trong chế biến, bảo quản và vận chuyển thủy sản, giảm tổn
thất sau thu hoạch; nghiên cứu phát triển sản phẩm mới giá trị gia tăng từ
nguyên phụ liệu thủy sản; cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản
truyền thống.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, dự báo ngư trường, nguồn lợi, giám sát hoạt động tàu cá; ưu tiên ứng dụng công nghệ nuôi trồng thủy sản có năng suất cao, chất lượng, tuần hoàn, tiết kiệm nước, năng lượng, giảm giá thành sản xuất, bảo vệ môi trường, đặc biệt đối với các hệ thống nuôi thâm canh, siêu thâm canh, nuôi sinh thái và hữu cơ.

- Xây dựng các mô hình xử lý và bảo quản thủy sản sau thu hoạch cho
các chủ tàu, ngư dân trực tiếp khai thác trên biển, chủ cơ sở thu mua nguyên
liệu thủy sản nhằm phát huy tiềm năng và lợi thế về khai thác, nuôi trồng thủy
sản của địa phương, giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Thúc đẩy thực hiện việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong và ngoài nước
cho sản phẩm thủy sản chủ lực, sản phẩm thủy sản chế biến truyền thống và
đặc sản của địa phương.

*2.2. Nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm đối với sản
phẩm thủy sản chế biến:*

- Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại lĩnh vực thủy sản, đặc biệt là tổ chức lại hoạt động nuôi trồng, khai thác, chế biến phù hợp với tái cơ cấu ngành nông nghiệp của địa phương. Đa dạng hóa mô hình tổ chức sản xuất, khuyến khích các mô hình liên kết, liên doanh giữa người sản xuất nguyên liệu, với các nhà chế biến, thương nhân, các nhà đầu tư, tín dụng... theo chuỗi giá trị của sản phẩm, với sự tham gia quản lý, tổ chức của cộng đồng, của các hội, hiệp hội, hợp tác xã kiểu mới.

- Định hướng, quy hoạch các vùng, khu nuôi trồng thủy sản đáp ứng nhu
cầu nguyên liệu cho các nhà máy, cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản đảm bảo an
toàn dịch bệnh, kiểm soát chặt chẽ việc tồn dư kháng sinh, các chế phẩm sinh
học trong nuôi trồng thủy sản và an toàn vệ sinh thực phẩm, định hướng đủ tiêu
chuẩn để xuất khẩu.

- Gắn việc đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất với nâng cấp điều kiện
sản xuất, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và vệ sinh đối với hệ thống nhà
xưởng, trang thiết bị, bảo hộ lao động cho công nhân và nâng cao ý thức của
người lao động; xây dựng các quy trình, chế độ giám sát và kiểm tra thường
xuyên trong từng doanh nghiệp, cơ sở chế biến.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản trên cơ sở các quy định pháp luật về bảo vê ̣ tài nguyên, nguồn lợi, môi trường, đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc nguyên liệu thủy sản đưa vào chế biến thủy sản.

- Tổ chức liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến tiêu thụ ở tất cả các lĩnh vực và đối tượng sản phẩm, tạo sự gắn kết, chia sẻ lợi nhuận, rủi ro giữa các doanh nghiệp, người sản xuất, dịch vụ vật tư đầu vào và các doanh nghiệp chế biến thủy sản nhằm tăng năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm thủy sản.

- Phát triển cụm công nghiệp, hình thành các cụm công nghiệp liên kết ngành chế biến thủy sản, chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp nông thôn phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

- Phát triển các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã, đồng quản lý, liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp chế biến tiêu thụ với doanh nghiệp và người khai thác, nuôi trồng thủy sản. Xây dựng các vùng nuôi công nghiệp tập trung, ứng dụng công nghệ cao nhằm tạo ra sản xuất thủy sản hàng hóa lớn.

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý chất lượng, an toàn thực
phẩm, kiểm dịch xuất nhập khẩu sản phẩm thủy sản; sản xuất kinh doanh và
sử dụng thức ăn, thuốc thú y thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng
thủy sản.

- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO 22000, ISO 14000,...) trong các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm theo chuẩn quốc tế.

*2.3. Phát triển hệ thống dịch vụ hậu cần và công nghiệp phụ trợ
phục vụ ngành chế biến thủy sản:*

- Phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng phục vụ dịch vụ hậu cần nghề cá, thu
mua, sơ chế, chế biến thủy sản; ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng các cảng cá (cảng cá Lạch Hới, phường Quảng Tiến, TP Sầm Sơn; cảng cá Lạch Bạng, phường Hải Thanh, TX Nghi Sơn; cảng cá Lạch Trường, xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc; cảng cá Hoằng Trường, xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa; cảng cá Quảng Nham, huyện Quảng Xương) theo quy hoạch để thu hút tàu cá trong và ngoài tỉnh tập kết, tiêu thụ hải sản khai thác, đảm bảo năng lực tiếp nhận, giao thương được thuận tiện gắn với an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, kiểm soát truy xuất nguồn gốc hải sản khai thác, phòng chống khai thác bất hợp pháp không báo cáo và không theo quy định (IUU).

- Khuyến khích, hỗ trợ đầu tư hê ̣ thống kho lạnh, kho cấp đông bảo
quản sản phẩm thủy sản quy mô lớn tại các cảng cá của tỉnh.

*2.4. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:*

Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật chuyên ngành chế biến, bảo quản thủy sản, đáp ứng cuộc Cách mạng 4.0 và hội nhập quốc tế; tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn kiến thức về sản xuất, chế biến, bảo quản, an toàn thực phẩm cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến thủy sản. Từng bước thực hiện việc chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến thủy sản dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu về nguồn lợi, vùng khai thác và công nghệ chế biến.

*2.5. Về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:*

- Tuyên truyền và vận động các doanh nghiệp, cơ sở chế biến thủy sản áp dụng sản xuất sạch hơn, công nghệ mới, thân thiện với môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, giảm thiểu chất thải và xử lý hiệu quả các nguồn thải từ hoạt động sản xuất, bảo quản và chế biến thủy sản.

- Triển khai các chương trình, dự án cấp mã số vùng nuôi trồng thuỷ sản, truy xuất nguồn gốc, đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn môi trường áp dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

*2.6. Xúc tiến thương mại và phát triển thị trường tiêu thụ thủy sản:*

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại để thúc đẩy kết nối cung - cầu, duy trì và phát triển các chuỗi cung ứng - tiêu thụ thủy sản. Tăng cường quảng bá, giới thiệu các sản phẩm thủy sản của Thanh Hóa đến các kênh phân phối, nhằm mở rộng thị trường, nâng tầm giá trị, từng bước tiếp cận với nền tảng thương mại số, góp phần thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về tái cơ cấu nông nghiệp, về hợp tác liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Cập nhật thông tin thị trường, chính sách thương mại khu vực và quốc tế về thủy sản; giá cả, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng rào kỹ thuật, thuế quan để định hướng sản xuất, chế biến thủy sản. Đối với sản xuất thủy sản tươi tập trung vào thị trường có khoảng cách địa lý gần Việt Nam để giảm chi phí dịch vụ logistic và hư hao sản phẩm (Trung Quốc, Đài Loan); chế biến sản phẩm thủy sản đặc sản tập trung cho thị trường các nước có nhiều người Việt Nam sinh sống (EU, Mỹ, các nước Đông Âu, Úc). Xây dựng thương hiệu, đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm thủy sản đặc sản là thế mạnh trên địa bàn tỉnh (đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản; ứng dụng công nghệ thông tin vào phân phối sản phẩm, hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, các doanh nghiệp chế biến thủy sản đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn).

- Xây dựng, triển khai thực hiện công tác khuyến ngư phát triển sản xuất thủy sản; xây dựng các mô hình sản xuất nguyên liệu thủy sản phục vụ chế biến trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

- Thiết lập hệ thống logistics sản phẩm thủy sản để kết nối với các vùng sản xuất thủy sản trong và ngoài tỉnh; phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành chế biến thủy sản, các loại máy móc, trang bị phù hợp với quy mô doanh nghiệp trên địa bàn, sản xuất bao bì đóng gói thân thiện với môi trường và các loại phụ gia, hóa chất bảo quản thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm.

**III. NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH ƯU TIÊN**

 *(có Phụ lục: Danh mục nhiệm vụ, chương trình ưu tiên triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa kèm theo)*

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí, huy động từ các nguồn kinh phí: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, các nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn huy động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm huy động, quản lý nguồn lực kinh phí được bố trí, huy động từ các nguồn vốn nói trên theo quy định hiện hành để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

3. Hàng năm, đảm bảo bố trí nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này; chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với các kế hoạch, dự án và các chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan do Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện; theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch chi tiết, các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể và dự toán kinh phí thực hiện trình cấp thẩm quyền phê duyệt, đồng thời chủ trì tổ chức triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan khảo sát, lựa chọn, đề xuất
doanh nghiệp trong tỉnh có tiềm lực về công nghệ, tài chính để hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật trong nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng cao có nguồn gốc từ nguyên liệu và phụ phẩm thủy sản, hình thành một số doanh nghiệp chủ lực, mũi nhọn về quy mô và công nghệ chế biến của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và địa phương liên quan vận động,
hỗ trợ doanh nghiệp chế biến thủy sản trong thành phố thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ, xúc tiến hợp tác, liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các
doanh nghiệp tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức về kỹ thuật sản xuất, chế
biến, bảo quản thủy sản, an toàn thực phẩm, phát triển thị trường cho đội ngũ
quản lý và công nhân lao động trực tiếp tại cơ sở.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển ngành chế biến thủy sản (như giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao tỷ lệ thủy sản qua chế biến, đầu tư ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy phát triển chế biến thủy sản hiện đại, bền vững …).

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại để thúc đẩy kết nối các cơ sở sản xuất với các cơ sở tiêu thụ thủy sản trong và ngoài tỉnh, hình thành các chuỗi cung ứng - tiêu thụ; đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu các sản phẩm thủy sản của Thanh Hóa đến các kênh phân phối, nhằm mở rộng thị trường, nâng tầm giá trị, từng bước tiếp cận với nền tảng thương mại số.

- Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan rà soát quy hoạch tại các cảng cá làm cơ sở đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo bố trí quỹ đất đầu tư hệ thống kho lạnh, kho trữ đông đáp ứng nhu cầu lưu trữ nguyên liệu thủy sản, đảm bảo nguồn nguyên liệu chất lượng cung cấp cho chế biến; đầu tư nâng cấp hạ tầng cơ sở các cảng cá đảm bảo kiểm soát được nguồn gốc, chất lượng nguyên liệu thủy sản cung cấp cho chế biến.

**2. Sở Công Thương**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, đánh giá và thông tin kịp thời về nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng thủy sản của các thị trường trọng điểm, thị trường tiềm năng trong và ngoài nước.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước. Quảng bá, giới thiệu sản phẩm thông qua các hội chợ, triển lãm, Chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng tiêu thụ các mặt hàng thủy sản tại chuỗi siêu thị, các cửa hàng tiện ích, chợ truyền thống, sàn thương mại điện tử; tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài đã có mặt tại Việt Nam như: Lotte (Hàn Quốc), Aeon (Nhật bản), GoGo …, tham gia các Hội chợ triển lãm chuyên ngành có uy tín được tổ chức hàng năm trong khu vực và trên thế giới để quảng bá, tiếp thị sản phẩm, tìm kiếm đối tác, bạn hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Chủ trì, phối hợp triển khai các đề án, nhiệm vụ ưu tiên được giao tại Kế hoạch này và làm đầu mối của tỉnh phối hợp Bộ Công thương thực hiện
các dự án, nhiệm vụ ưu tiên có liên quan tại địa phương.

**3. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì, phối hợp với sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan tham mưu triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực chế biến thủy sản; hỗ trợ đầu tư mới, đổi mới công nghệ cao trong bảo quản, chế biến nông lâm, thủy sản cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất nông nghiệp, góp phần phát triển ngành chế biến thủy sản của tỉnh.

- Hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm thủy sản chủ lực, đặc thù của tỉnh góp phần thúc đẩy việc xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm quốc gia của tỉnh; triển khai mã số mã vạch, kế hoạch quản lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

**4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP từ nguồn vốn đầu tư công.

- Phối hợp các sở, ngành và địa phương rà soát, đề xuất ưu tiên dự án đầu tư nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu, cụm chế biến thủy sản tập
trung, hạ tầng dịch vụ tại các cảng cá nhằm kết nối chặt chẽ giữa người sản
xuất, thu mua, chế biến với nhà phân phối thủy sản.

**5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc thanh, kiểm tra,
giám sát công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, chế biến thủy sản.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí quỹ đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp huyện đảm bảo cho nhu cầu phát triển của ngành chế biến thủy sản.

**6. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở ban ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh, HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch lồng ghép trong các Chương trình, chính sách của tỉnh.

**7**. **Các sở, ngành có liên quan**

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

**8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Căn cứ nội dung Kế hoạch và điều kiện thực tế của địa phương chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Đề án của trung ương và Kế hoạch của UBND tỉnh trên địa bàn.

 - Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng và phát triển các vùng sản xuất thủy sản tập trung, các mô hình liên kết giữa sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ hình thành chuỗi giá trị thủy sản an toàn, bền vững.

- Kêu gọi đầu tư phát triển sản xuất thủy sản trên địa bàn quản lý;
hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất thủy sản thực hiện các thủ
tục pháp lý đảm bảo quy định của pháp luật.

- Hàng năm, bố trí ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp để tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

**9. Các tổ chức hiệp hội ngành hàng**

Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch triển khai thực hiện của tỉnh, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư khoa học, công nghệ, thiết bị để chế biến ra các sản phẩm thủy sản đảm bảo an toàn, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đề nghị các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Lê Đức Giang** |

**PHỤ LỤC**

**Danh mục nhiệm vụ, chương trình ưu tiên triển khai thực hiện Đề án phát triển**

**ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 188 /KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

*.*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan phối hợp** | **Thời gian** **thực hiện** |
| **1** |  **Công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn** |
| 1.1 | Tuyên truyền, phổ biến nội dung Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 16/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 và các văn bản có liên quan tới doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, chế biến thủy sản thông qua các cuộc họp, hội nghị và các phương tiện thông tin đại chúng. | Các Sở, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố |  Các cơ quan có liên quan | 2022 - 2030 |
| 1.2 | Cập nhật các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy định về an toàn thực phẩm và hướng dẫn cho các cơ sở chế biến thủy sản xây dựng các tiêu chuẩn cơ sở phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định về an toàn thực phẩm. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan | 2022 - 2030 |
| 1.3 | Đào tạo, tập huấn kiến thức về kỹ thuật sản xuất, chế biến, bảo quản thủy sản, an toàn thực phẩm, phát triển thị trường cho đội ngũ quản lý và công nhân lao động trực tiếp tại cơ sở. | Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan | 2022 - 2030 |
| 1.4 | Tăng cường công tác xúc tiến thương mại để thúc đẩy kết nối các cơ sở sản xuất với các cơ sở tiêu thụ thủy sản trong và ngoài tỉnh, hình thành các chuỗi cung ứng - tiêu thụ; đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu các sản phẩm thủy sản của Thanh Hóa đến các kênh phân phối, nhằm mở rộng thị trường, nâng tầm giá trị, từng bước tiếp cận với nền tảng thương mại số. | Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công Thương; Sở Thông tin và Truyền thông | Các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan | 2022 - 2030 |
| **2** | **Cơ chế, chính sách** |
| 2.1 | Tổ chức triển khai thực hiện chính sách về hỗ trợ đầu tư mới, đổi mới công nghệ cao trong bảo quản, chế biến nông lâm, thủy sản giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan | 2022 - 2025 |
| 2.2 | Triển khai thực hiện các chính sách của Trung ương, của tỉnh về hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản trên địa bàn tỉnh. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan | 2022 - 2030 |
| **3** | **Ứng dụng khoa học, công nghệ cao trong toàn chuỗi giá trị nông lâm thủy sản** |
|  | Tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực chế biến, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về đổi mới công nghệ, ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm thủy sản. | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị có liên quan | 2022 - 2030 |
| **4** |  **Nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm**  |
| 4.1 | Xây dựng các mô hình áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO,...) trong các cơ sở chế biến thủy sản để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Các Sở, ngành và các cơ quan liên quan | 2022 - 2030 |
| 4.2 | Triển khai các chương trình, dự án cấp mã số vùng nuôi trồng thuỷ sản, truy xuất nguồn gốc, đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn môi trường áp dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành và các cơ quan liên quan | 2022 - 2030 |
| 4.3 | Tăng cường công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản theo chuỗi từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ; phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời vi phạm về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chế biến thủy sản. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan | 2022 - 2030 |
| **5** |  **Thu hút đầu tư sản xuất, chế biến; xây dựng và phát triển thương hiệu thủy sản** |
| 5.1 | Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện dự án đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản thủy sản công nghệ cao, tiên tiến đảm bảo sản xuất bền vững theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp. | Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở NN&PTNT  | Các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan | 2022 - 2030 |
| 5.2 | Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã đẩy mạnh các hoạt động đăng ký nhãn hiệu, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm thủy sản; quảng bá hình ảnh, thương hiệu sản phẩm thủy sản của địa phương; phát triển sản phẩm OCOP theo kế hoạch. | Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng điều phối chương trình xây dựng NTM; Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan | 2022 - 2030 |